

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/05/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10	7:25	20	0		22	0	
2		BK8+BK10+TTC2	9:25	0+0+18	0+0+0		2+1+19	0+0+0	Chuyen 2 BK14 TTC2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2023	TO: BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 09:20
XANH - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHMAKOV ALEXANDER	BK10	07	1	14		78	KHOAN	Russian
2	LUƠNG NGỌC KHUÔNG	BK10	26-27	2	9		77	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM TẤT LỘC	BK10	18-19	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐÌNH THỤ	BK10	08	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THANH	BK10	06	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HUY TUYẾN	BK10	09	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
7	TÔ ANH TUẤN	BK10	17	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
8	DƯƠNG MINH ĐỨC	BK10	05	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	BK10	20	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN ĐỊNH	BK10	15-16	2	7		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MINH HIỆP	BK10	12-14	3	15		73	KHOAN	Vietnamese
12	LÂM XUÂN TU	BK10	10	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG BẢNG	BK10	11	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐĂNG KHOA	BK10	25	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	BK10	22-24	3	20		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN MẠNH	BK10	21	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	BUI ĐỨC TRUNG	BK10	28-29	2	20		59	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HAM HÀ	BK10	01	1	3		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG SƠN	BK10	04	1	7		71	DVL	Vietnamese
20	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	BK10	02-03	2	15		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	20	29	176	1.415	0	22		
TOTAL		20	29	176	1.415	0	22		
WEIGHT KG				176	1.415	0			

GRAND TOAL: 1.591 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Đin Chur ký pc



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2023	TO: BK8 - BK10 - TTC2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	TTC2	03-04	2	16		85	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN CHI HA	TTC2	90	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC NAM	TTC2	67-68	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TÂN	TTC2	63-64	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC THAI	TTC2	55-56	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ QUỐC HUY	TTC2	94-95	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀU CAO QUYẾT	TTC2	59-60	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ BA QUYỀN	TTC2	57-58	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỒNG	TTC2	99,200	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO VĂN MẠNH	TTC2	61	1	7	18	66	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG LỰC	TTC2	06-07	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ QUỐC KHAI	TTC2	97-98	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM MINH NGAY	TTC2	91-92	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN THỰC	TTC2	01-02	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI NGỌC THĂNG	TTC2	96	1	14		50	XAYLAP	Vietnamese
16	KHÔNG QUỐC TIỀN	TTC2	93	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨNG	TTC2	65-66	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
18	VU VAN THU	TTC2	05	1	7		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	0	0	0	0	0	2		
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
3	TTC2	18	31	263	1.183	18	19		
TOTAL		18	31	263	1.183	18	22		
WEIGHT KG				263	1.183	18			

GRAND TOAL: 1.464 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Rep